

CÔNG TY CỔ PHẦN TASUHA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TASUHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TASUHA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TASUHA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107952202

3. Ngày thành lập: 08/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà H18 Khu đấu giá Man Bồi, Góc Găng, Tổ 9, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422.443668

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
3.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
4.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
6.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
7.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
8.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
9.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4520
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô	4530
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
12.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Đại lý du lịch	7911
17.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

18.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết : Bán buôn vàng trang sức	4662
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
25.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
29.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
30.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
31.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
32.	Bán mô tô, xe máy	4541
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện),	4659
35.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
37.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

38.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức	4773
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;	4649(Chính)
42.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng;	1079
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
49.	Bán buôn gạo	4631
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
53.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại	7420
54.	Dịch vụ đóng gói	8292
55.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Sửa chữa đồ trang sức;	9529
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
59.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
60.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

62.	Xuất bản phần mềm	5820
63.	Lập trình máy vi tính	6201
64.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
65.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
66.	Cổng thông tin	6312
67.	Quảng cáo	7310
68.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
69.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
70.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HỒ TUẤN ANH	Thôn 16, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	95,000	186853194	
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	95,000		
2	NGUYỄN ĐÌNH MINH	Thôn 16, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	2,500	167329321	
			Tổng số	5.000	50.000.000	2,500		
3	HỒ THỊ LAN	Thôn 19, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	2,500	187490471	
			Tổng số	5.000	50.000.000	2,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186853194

Ngày cấp: 18/01/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 16, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 2405 khu nhà ở cán bộ bệnh viện 103, Làng Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội